

Số: 196/2020/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 02 tháng 11 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 758/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1978.

+ Anh Bùi Xuân D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ A, khu CX, thị trấn LT, huyện LT, Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Bùi Xuân D thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: có 03 con chung tên Bùi Phương Tr, sinh ngày 28/4/1999; Bùi Minh T, sinh ngày 18/6/2003; Bùi Thanh T1, sinh ngày 21/01/2006.

Cháu Tr đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Giao cháu T, T1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Bùi Xuân D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 03 con chung tên Bùi Phương Tr, sinh ngày 28/4/1999; Bùi Minh T, sinh ngày 18/6/2003; Bùi Thanh T1, sinh ngày 21/01/2006.

Cháu Trinh đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Giao cháu T, T1 cho anh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N, anh D phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0004734 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Trung

